

**BẢNG THÔNG KÊ, SO SÁNH MỨC CHI HỖ TRỢ ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC**

TT	NỘI DUNG CHI	MỨC CHI HỖ TRỢ				Tỷ lệ tăng/giảm	Ghi chú
		Thông tư 139/2010/TT-BTC	Thông tư 36/2018/TT-BTC	Nghị quyết số 177/2010/NQ-HĐND và Nghị quyết số 70/2017/NQ-HĐND	Dự thảo đề xuất mức chi hỗ trợ		
I	Mức chi đào tạo cán bộ, công chức trong nước						
1	Chi hỗ trợ một phần tiền ăn trong thời gian đi học tập trung						
1,1	Hỗ trợ theo ngày	50.000 đồng/người/ngày	Các khoản chi hỗ trợ này không vượt quá mức chi hiện hành của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị.	50.000 đồng/người/ngày	50.000 đồng/người/buổi	Tăng 100%	
1,2	Hỗ trợ theo tháng	Không quy định		1.000.000 đồng/người/tháng	2.000.000 đồng/người/tháng	Tăng 100%	
2	Chi hỗ trợ chi phí đi lại từ cơ quan đến nơi học tập (một lượt đi và về; nghỉ lễ; nghỉ tết)	Theo quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị.		Không quy định	Theo NQ số 90/2017/NQ-HĐND ngày 8/12/2017 quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Đồng Nai		
3	Chi hỗ trợ tiền thuê chỗ nghỉ trong những ngày đi học tập (trong trường hợp đơn vị tổ chức lớp hoặc cơ sở đào tạo có xác nhận không bố trí được chỗ nghỉ)						
3,1	Trong tỉnh	Theo quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị.	Các khoản chi hỗ trợ này không vượt quá mức chi hiện hành của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị.	Không quy định	Theo NQ số 90/2017/NQ-HĐND ngày 8/12/2017 quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Đồng Nai		
3,2	Ngoài tỉnh			Không quy định			
4	Chi hỗ trợ thêm cho các cán bộ, công chức là nữ	Không quy định	Theo các chính sách, chế độ quy định của pháp luật	Đối với nữ 150.000 đồng/người/tháng	400.000 đồng/người/tháng.	Tăng 166,67%	
		Không quy định	Không quy định mức chi	Đối với nữ có con nhỏ: 50.000 đồng/ngày/người; 1.000.000 đồng/người/tháng	Bãi bỏ	Giảm 100%	Hỗ trợ đối với nữ đã có và nâng mức trên

TT	NỘI DUNG CHI	MỨC CHI HỖ TRỢ				Tỷ lệ tăng/giảm	Ghi chú
		Thông tư 139/2010/TT-BTC	Thông tư 36/2018/TT-BTC	Nghị quyết số 177/2010/NQ-HĐND và Nghị quyết số 70/2017/NQ-HĐND	Dự thảo đề xuất mức chi hỗ trợ		
5	Chi hỗ trợ thêm cho các cán bộ, công chức là người dân tộc thiểu số						
5,1	Hỗ trợ theo ngày	Không quy định	Theo các chính sách, chế độ quy định của pháp luật	Không quy định			
5,2	Hỗ trợ theo tháng	Không quy định		300.000 đồng/người/tháng (học ngoài tỉnh)	500.000 đồng/người/tháng	Tăng 66,67%	
6	Đào tạo sau đại học						
6,1	Đối với trường hợp tinh cử đi học: Hỗ trợ thêm chi phí xây dựng và bảo vệ luận án tốt nghiệp, thi tốt nghiệp	Không quy định	Không quy định	- Trình độ tiến sĩ: 40.000.000 đồng/người; Trình độ thạc sĩ: 30.000.000 đồng/người; . Trình độ chuyên khoa cấp II: 25.000.000 đồng/người; Trình độ chuyên khoa cấp I: 15.000.000 đồng/người.	Bãi bỏ	Giảm 100%	Tỷ lệ, số lượng đào tạo sau đại học hiện nay đã tăng gấp 2-3 lần so với chỉ tiêu quy hoạch phát triển nguồn nhân lực của tỉnh và chỉ tiêu chương trình, kế hoạch đào tạo sau đại học. Ngoài ra, đối với các lĩnh vực đào tạo chuyên sâu (Y tế), chuyên gia (KHCN)...đã có chính sách thu hút và đào tạo theo đề án/chương trình/kế hoạch riêng
6,2	Đối với trường hợp tự túc kinh phí đi học: được hỗ trợ một lần tốt nghiệp	Không quy định	Không quy định	- Trình độ tiến sĩ: 20.000.000 đồng/người; Trình độ thạc sĩ: 15.000.000 đồng/người; - Trình độ chuyên khoa cấp II: 12.500.000 đồng/người; Trình độ chuyên khoa cấp I: 7.500.000 đồng/người.	Bãi bỏ	Giảm 100%	

TT	NỘI DUNG CHI	MỨC CHI HỖ TRỢ				Tỷ lệ tăng/giảm	Ghi chú
		Thông tư 139/2010/TT-BTC	Thông tư 36/2018/TT-BTC	Nghị quyết số 177/2010/NQ-HĐND và Nghị quyết số 70/2017/NQ-HĐND	Dự thảo đề xuất mức chi hỗ trợ		
II	Mức chi bồi dưỡng cán bộ, công chức trong nước						
1	Chi thù lao giảng viên, báo cáo viên		Mức chi thù lao tối đa: 2.000.000 đồng/người/buổi	Không quy định mức chi			
1.2	Giảng viên, báo cáo viên là Bộ Trưởng, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Bí thư Tỉnh ủy và các chức danh tương đương.	Mức tối đa không quá 1.000.000 đồng/buổi			2.000.000 đồng/người/buổi	Tăng 100%	
1,3	Giảng viên, báo cáo viên là Thứ trưởng, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và các chức danh tương đương; giáo sư; chuyên gia cao cấp; giảng viên cao cấp; chuyên viên cao cấp; Tiến sỹ khoa học; Vụ trưởng và Phó Vụ trưởng thuộc Bộ, Viện trưởng và Phó Viện trưởng thuộc Bộ, Cục trưởng, Phó Cục trưởng và các chức danh tương đương; phó giáo sư; tiến sỹ; giảng viên chính.	Mức tối đa không quá 800.000 đồng/buổi			1.600.000 đồng/người/buổi	Tăng 100%	
1,4	Giảng viên, báo cáo viên là Vụ trưởng và Phó Vụ trưởng thuộc Bộ, Viện trưởng và Phó Viện trưởng thuộc Bộ, Cục trưởng, Phó Cục trưởng và các chức danh tương đương; phó giáo sư; tiến sỹ; giảng viên chính	Mức tối đa không quá 600.000 đồng/buổi			1.200.000 đồng/người/buổi	Tăng 100%	
1,5	Giảng viên, báo cáo viên còn lại là cán bộ, công chức, viên chức công tác tại các cơ quan, đơn vị ở trung ương và cấp tỉnh (ngoài 3 nhóm đối tượng trên)	Mức tối đa không quá 500.000 đồng/buổi			1.000.000 đồng/người/buổi	Tăng 100%	

TT	NỘI DUNG CHI	MỨC CHI HỖ TRỢ				Tỷ lệ tăng/giảm	Ghi chú
		Thông tư 139/2010/TT-BTC	Thông tư 36/2018/TT-BTC	Nghị quyết số 177/2010/NQ-HĐND và Nghị quyết số 70/2017/NQ-HĐND	Dự thảo đề xuất mức chi hỗ trợ		
1,6	Giảng viên, báo cáo viên là cán bộ, công chức, viên chức công tác tại cơ quan, đơn vị ở trung ương và cấp tỉnh (ngoài 3 nhóm đối tượng trên)	Mức tối đa không quá 300.000 đồng/buổi			600.000 đồng/người/buổi	Tăng 100%	
2	Phụ cấp tiền ăn cho giảng viên	Theo quy định tại Thông tư số 97/2010/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị	Theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị	Không quy định	Theo NQ số 90/2017/NQ-HĐND ngày 8/12/2017 quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Đồng Nai		
3	Chi phí thanh toán tiền phương tiện đi lại, tiền thuê phòng nghỉ cho giảng viên	Theo quy định tại Thông tư số 97/2010/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị	Theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị	Không quy định	Theo TT 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính và NQ số 90/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Đồng Nai		
4	Chi nước uống phục vụ lớp học	Theo quy định tại Thông tư số 97/2010/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị	Theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị.	Không quy định	Theo NQ số 90/2017/NQ-HĐND ngày 8/12/2017 quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Đồng Nai		
5	Chi khen thưởng cho học viên đạt loại giỏi, loại xuất sắc	Không quá 200.000 đồng/học viên/ lớp	Không quá 200.000 đồng/học viên/ lớp	Không quy định	200.000 đồng/học viên/ lớp	0%	

TT	NỘI DUNG CHI	MỨC CHI HỖ TRỢ				Tỷ lệ tăng/giảm	Ghi chú
		Thông tư 139/2010/TT-BTC	Thông tư 36/2018/TT-BTC	Nghị quyết số 177/2010/NQ-HĐND và Nghị quyết số 70/2017/NQ-HĐND	Dự thảo đề xuất mức chi hỗ trợ		
6	<div>- Chi hỗ trợ một phần tiền ăn cho học viên trong thời gian đi học tập trung;</div> <div>- Chi hỗ trợ chi phí đi lại từ cơ quan đến nơi học tập (một lượt đi và về; nghỉ lễ; nghỉ tết);</div> <div>- Chi thanh toán tiền thuê chỗ nghỉ cho học viên trong những ngày đi học tập trung tại cơ sở bồi dưỡng (trong trường hợp cơ</div>	<div>- Tiền ăn Không quá 50.000 đồng/ngày/học viên.</div>	<div>Theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị.</div>	<div>- Tiền ăn: 50.000 đồng/ngày/người.</div>	<div>- Tiền ăn: 50.000 đồng/người/buổi.</div>	<div>Tăng 100%</div>	
		<div>Không quy định mức chi</div>		<div>- Tiền ăn: 1.000.000 đồng/người/tháng.</div>	<div>- Tiền ăn: 2.000.000 đồng/người/tháng.</div>	<div>Tăng 100%</div>	
		<div>Không quy định mức chi</div>		<div>Không quy định mức chi</div>	<div>Theo NQ số 90/2017/NQ-HĐND ngày 8/12/2017 quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Đồng Nai</div>		
III	Mức chi đào tạo, bồi dưỡng viên chức						
1	Thông tư 139/2010/TT-BTC	Không quy định					
2	Thông tư 36/2018/TT-BTC	Căn cứ nguồn lực tài chính bố trí cho công tác đào tạo, bồi dưỡng viên chức tại cơ quan, đơn vị; căn cứ nội dung chi đào tạo, bồi dưỡng CBCC, viên chức quy định tại Điều 4 Thông tư này và mức chi đào tạo, bồi dưỡng đối với CBCC quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 Điều 5 Thông tư này; thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập quyết định mức chi đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức phù hợp với quy định của pháp luật về cơ chế tài chính của đơn vị mình.					
3	Nghị quyết số 177/2010/NQ-HĐND và Nghị quyết số 70/2017/NQ-HĐND	Áp dụng mức chi hỗ trợ như cán bộ, công chức					
4	Dự thảo	<div>1. Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng được hỗ trợ từ nguồn kinh phí đào tạo của tỉnh cấp cho cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ tổ chức đào tạo, bồi dưỡng để chi trả cho CBCCVC được cử đi học, gồm:</div> <div>- Chi phí dịch vụ đào tạo, bồi dưỡng và các khoản chi phí bắt buộc phải trả cho các cơ sở đào tạo: Theo hoá đơn của cơ sở đào tạo nơi CBCCVC được cử đi đào tạo hoặc theo hợp đồng cụ thể do cấp có thẩm quyền ký kết;</div> <div>- Chi hỗ trợ kinh phí mua tài liệu học tập bắt buộc: Theo chứng từ, hóa đơn hợp pháp;</div> <div>- Chi hỗ trợ một phần tiền ăn trong thời gian đi học tập trung quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 7 của Nghị quyết này.</div> <div>Các mức chi hỗ trợ còn lại trong Nghị quyết do thủ trưởng cơ quan, đơn vị quản lý CBCCVC hỗ trợ từ nguồn kinh phí theo quy định tại Điều 4, Điều 5 của Nghị quyết này.</div> <div>2. Căn cứ nội dung chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức quy định tại Điều 4 Thông tư số 36/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính và mức chi, hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức quy định tại Nghị quyết này, thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập quyết định mức chi đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức phù hợp với quy định của pháp luật về cơ chế tài chính của đơn vị mình, cụ thể:</div> <div>- Đối với đơn vị sự nghiệp công lập do nhà nước đảm bảo chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên: Thủ trưởng đơn vị quyết định mức chi hỗ trợ như cán bộ, công chức được quy định tại Điều 7 Nghị quyết này.</div> <div>- Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên, đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên và đầu tư: Thủ trưởng căn cứ vào khả năng tài chính của đơn vị, quy định mức chi hỗ trợ tại Điều 7 Nghị quyết này để quyết định mức chi hỗ trợ cho phù hợp.</div>					

TT	NỘI DUNG CHI	MỨC CHI HỖ TRỢ				Tỷ lệ tăng/giảm	Ghi chú
		Thông tư 139/2010/TT-BTC	Thông tư 36/2018/TT-BTC	Nghị quyết số 177/2010/NQ-HĐND và Nghị quyết số 70/2017/NQ-HĐND	Dự thảo đề xuất mức chi hỗ trợ		